

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1740/2022/KDTM-ST

Ngày: 20-5-2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Minh Hiếu

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Bà Phan Thị Bé

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 33/2019/TLST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1628/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 2397/2022/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: phường L, quận Đ, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Thanh H (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà A, Phường Q, Quận t, Thành phố H

(Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2021)

*Bị đơn:* Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải T

Địa chỉ: khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn V

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Q, tỉnh B

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trương Văn V, sinh năm 1969

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Q, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V có đại diện theo ủy quyền bà Đào Thị Thanh H trình bày:

Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải T (gọi tắt là Công ty T) đã vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V - Chi nhánh G, Thành phố H theo Hợp đồng tín dụng số, Phụ lục hợp đồng số và Khế ước nhận nợ lần 01, số tiền vay theo hợp đồng tín dụng là 500.000.00 đồng, số tiền nhận nợ theo kế ước nhận nợ là 497.628.255 đồng, thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22,30%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày giải ngân: 20/01/2017, ngày đến hạn: 20/01/2020, thời hạn trả nợ: bên vay trả nợ gốc và lãi theo định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là vào ngày 25/02/2017, số nợ gốc mà Công ty T phải trả mỗi kỳ là 13.850.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh vận tải, cụ thể: thanh toán lương nhân viên, thanh toán tiền dầu theo hoá đơn GTGT số 1491, 1169 của Công ty TNHH TM DV P và thanh toán tiền dầu theo hoá đơn GTGT số 132, 643, 818, 32466 và 32688 của Công ty CP Kho Vận Miền Nam.

Để đảm bảo cho khoản vay Công ty T đã ký kết với Ngân hàng V Hợp đồng bảo lãnh số theo đó ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị K cam kết bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ tại Ngân hàng V phát sinh từ Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T thanh toán được số tiền gốc là: 113.171.745 đồng, tiền lãi 69.575.690 đồng. Số tiền gốc còn lại và tiền lãi Công ty T không thanh toán tiếp. Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản nợ vay chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/10/2017. Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Công ty T trả ngay một lần tổng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 20/5/2022 gồm nợ gốc là 386.828.255 đồng, nợ lãi là 587.798.056 đồng, phạt chậm trả lãi là 170.240.206 đồng. Ngoài ra Công ty T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V. Trường hợp Công ty T không trả số tiền nợ vay và nợ lãi, VPBank được quyền yêu cầu ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Bị đơn Công ty T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị K đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Tại phiên tòa: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đào Thị Thanh H yêu cầu bị đơn Công ty T phải trả ngay một lần tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 20/5/2022 gồm: nợ gốc: 386.828.255 đồng, nợ lãi là 587.798.056 đồng, phạt chậm trả

là 170.240.206 đồng, tổng cộng: 1.144.866.517 đồng. Ngoài ra, Công ty T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 21/5/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng V.

Bị đơn Công ty T vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị K vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo quy định pháp luật. Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử vi phạm về thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng V tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 20/5/2022 gồm, nợ gốc: 386.828.255 đồng, nợ lãi là 587.798.056 đồng, phạt chậm trả lãi là 170.240.206 đồng, tổng cộng: 1.144.866.517 đồng.

Ngoài ra, Công ty T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 21/5/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp Công ty T không trả số tiền nợ vay và nợ lãi, Ngân hàng V được quyền yêu cầu ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần V nộp đơn khởi kiện đối với Công ty T. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Theo công văn trả lời kết quả xác minh số 5586/ĐKKD-T6 ngày 08/11/2021 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có trụ sở tại khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố H, hiện chưa đăng ký giải thể, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Bị đơn Công ty T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị K đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn

vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100233583 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp. Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ được giao kết giữa hai bên có hình thức và nội dung không trái pháp luật, không trái đạo đức nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V với Công ty T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả nợ gốc:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định vào ngày 20/01/2017 Ngân hàng V và Công ty T ký kết Hợp đồng tín dụng, theo nội dung hợp đồng VPBank cho Công ty T vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22,30%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày giải ngân: 20/01/2017, ngày đến hạn: 20/01/2020, thời hạn trả nợ: bên vay trả nợ gốc và lãi theo định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là vào ngày 25/02/2017, số nợ gốc mà Công ty T phải trả mỗi kỳ là 13.850.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh vận tải, cụ thể: thanh toán lương nhân viên, thanh toán tiền đầu theo hoá đơn GTGT số 1491, 1169 của Công ty TNHH TM DV P và thanh toán tiền đầu theo hoá đơn GTGT số 132, 643, 818, 32466 và 32688 của Công ty CP Kho Vận Miền Nam. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty T vay số tiền 497.628.255 đồng theo khế ước nhận nợ. Quá trình vay Công ty T trả nợ được số tiền gốc là 113.171.745 đồng. Số tiền gốc còn lại từ sau ngày 03/11/2017, Công ty T không thanh toán tiếp.

Mặc dù thời hạn vay của Hợp đồng tín dụng tính đến thời điểm khởi kiện (ngày 19/4/2019) là chưa kết thúc thời hạn vay nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, tại Điều 4 của hợp đồng quy định: *“các bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ gốc và lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bên Ngân hàng có quyền thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của bên vay mà không cần chờ đến khi kết thúc thời hạn vay”*. Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện khi chưa kết thúc thời hạn vay là phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt và không có tài liệu chứng cứ hay ý kiến gì gửi cho Tòa án về việc đã trả nợ cho nguyên đơn. Căn cứ Điều 4, Điều 7 của Hợp đồng tín dụng và căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc còn lại 386.828.255 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả tiền lãi:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng và khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22,30%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01

lần, ngày giải ngân: 20/01/2017, ngày đến hạn: 20/01/2020, thời hạn trả nợ: bên vay trả nợ gốc và lãi theo định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là vào ngày 25/02/2017. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay bị đơn đã thanh toán được tiền lãi trong hạn và quá hạn là 69.575.690 đồng. Sau đó bị đơn không thanh toán tiếp, căn cứ khoản 4 Điều 2 của Hợp đồng, ngày 25/10/2017 nguyên đơn chuyển toàn bộ nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn, tính từ ngày VPBank chuyển nợ quá hạn cho đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm xét xử là 22,30%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 33,45%. Tại khoản 5 Điều 1 của khế ước nhận nợ quy định: *“Các bên thống nhất rằng đến kỳ điều chỉnh lãi suất, bên ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận nêu trên và không phải thông báo cho bên vay. Bên vay chấp nhận mức lãi suất mới kể từ thời điểm bên ngân hàng thực hiện điều chỉnh...”*. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 2 của Hợp đồng và phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn là 587.798.056 đồng.

[2.3] Về tiền phạt chậm trả lãi: Do bị đơn không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ Luật Dân sự năm 2015 và căn cứ điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền phạt chậm trả lãi với mức lãi suất 10% trên số tiền lãi lũy kế bị đơn chưa thanh toán tính trên thời gian quá hạn với số tiền 170.240.206 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bên bảo lãnh là ông Trương Văn Vàng, bà Nguyễn Thị Kiên có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên trong trường hợp Công ty T không có khả năng thanh toán. Xét yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng bảo lãnh và phù hợp với Điều 336, Điều 339, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 46.345.996 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng V số tiền 13.196.886 đồng là tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009803 ngày 28/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên:

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 336, Điều 339, Điều 342, Điều 463 và Điều 466 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 4; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### 1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc là 386.828.255 đồng; nợ lãi tính đến ngày 20/5/2022 là 587.798.056 đồng; phạt chậm trả lãi là 170.240.206 đồng, tổng cộng: 1.144.866.517 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm mười bảy đồng) theo Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng và khế ước nhận nợ. Trả làm một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 21/5/2022 cho đến khi trả hết nợ thì Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải T còn phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải T không thể thanh toán đủ số tiền nêu trên thì ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ lại của Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải T theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký giữa các bên.

2. Về án phí: Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải T phải nộp số tiền 46.345.996 (bốn mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm chín mươi sáu đồng) tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 13.196.886 (mười ba triệu một trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm tám mươi sáu) đồng là tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009803 ngày 28/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức) khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Minh Hiếu**